

Bản án số: 06/HCST
Ngày: 18/10/2016

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH
Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Toàn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Tùng, Bà Phạm Thị Tố Tâm
Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền – Cán bộ Tòa án
Đại diện VKSND Thành phố Vinh tham gia phiên tòa: Ông Lưu Văn Thuận
- Chức vụ: Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 10 năm 2016 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thụ lý số 15/2015/HCST ngày 17-11-2015 về việc yêu cầu hủy “Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” và “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2016/QĐ-HCST ngày 12/09/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh giữa các đương sự:

* Người khởi kiện: Bà **Phan Thị M** - sinh năm 1958
Trú tại: Xóm M – xã H – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An (có mặt).
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phan Thị M: Ông Nguyễn Văn D – Công tác tại Văn phòng Luật sư V và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An (có mặt).

* Người bị kiện: Ủy ban nhân dân V
Địa chỉ: Số 27 – đường L – Thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Sỹ C – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thành phố V - vắng mặt tại phiên tòa.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:
- NLQ1 và NLQ2.
Đều trú tại: Khu tập thể Q – phường Q – thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An - vắng mặt.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc V

Địa chỉ: Số 27 – đường L – Thành phố Vinh – tỉnh Nghệ An

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Văn P – Chức vụ: Phó chủ tịch UBMT V - có mặt.

- NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6

Đều trú tại: Xóm H – xã Đ – huyện Đ - tỉnh Hà Tĩnh – Đều vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của NLQ3, NLQ4, NLQ5, NLQ6: Bà Phan Thị M (là người khởi kiện) đại diện.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện của bà Phan Thị M thì vụ án có nội dung: Ngày 10/04/2008 vợ chồng bà Phan Thị M, ông Nguyễn Xuân M được UBND thành phố V cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số AL 983238 đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35 có diện tích là 428,90 m² tại xóm M, xã H, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì NLQ1 (là cha đẻ của bà Phan Thị M) phát sinh tranh chấp đối với thửa đất nói trên. Quá trình giải quyết tranh chấp, ngày 07/03/2015 tại phiên hòa giải của UBND xã H, bà M có thỏa thuận cắt cho NLQ1 145m² đất trong thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35, có diện tích là 428,90 m² tại xóm M, xã H và được UBND xã H lập văn bản ghi nhận nội dung thỏa thuận của các bên đương sự. Nhưng đến ngày 09/03/2015 bà Phan Thị M đã có đơn khiếu nại xin hủy nội dung mà hai bên đã thỏa thuận ngày 07/03/2015 và đã trực tiếp gửi cho UBND thành phố V và UBND xã H nhưng không được cơ quan nào trả lời cụ thể. Ngày 16/04/2015 UBND thành phố V ban hành quyết định số 2233/QĐ-UBND về việc Công nhận kết quả hòa giải thành ngày 07/03/2015 của UBND xã H giữa bà Phan Thị M và NLQ1. Ngày 13/05/2015 UBND thành phố V đã căn cứ vào quyết định số 2233/QĐ-UBND để cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BX 623196 cho hộ NLQ1 đối với 145m² đất nằm trong thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35 tại xóm M, xã H đã cấp cho bà Phan Thị M và ông Nguyễn Xuân M. Không đồng tình với việc làm nói trên của UBND thành phố V ngày 07/09/2015 bà Phan Thị M đã làm đơn khiếu nại đến UBND thành phố V. Ngày 16/10/2015 UBND thành phố V đã có văn bản trả lời cho bà Phan Thị M tại Quyết định số 4980/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của bà Phan Thị M. Ngày 28/10/2015 bà Phan Thị M có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án TP Vinh giải quyết:

- Hủy Quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 13/05/2015 của UBND thành phố V về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và các tài sản khác có liên quan gắn liền với quyền sử dụng đất cho hộ NLQ1.

- Hủy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BX 623196 ngày 13/05/2015 của UBND thành phố V cấp cho hộ NLQ1 có diện tích 145m² thuộc thửa số 592

(tách ra một phần từ thửa đất số 51), tờ bản đồ số 35 tại xóm M, xã H, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Quá trình điều tra của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, NLQ1 cho biết: Sau khi ông được UBND thành phố V cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đối với thửa đất số 592, tờ bản đồ số 35 có diện tích 145m² tại xóm M, xã H, thành phố Vinh, ông và các thành viên trong gia đình đã thỏa thuận, thống nhất đem hiến tặng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đối với thửa đất 145m² nói trên cho quỹ Biển đảo và đã được các cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục tiếp nhận nên hiện nay gia đình ông không có quyền lợi gì đối với thửa đất nói trên, yêu cầu Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quá trình điều tra đại diện UBND thành phố V cho rằng: Đơn khiếu nại ngày 09/03/2015 của bà Phan Thị M không có nội dung thay đổi ý kiến thỏa thuận ngày 07/03/2015 giữa bà Phan Thị M và NLQ1. Báo cáo của UBND xã H cũng không có nội dung đất đang tranh chấp và đề nghị UBND thành phố V ban hành quyết định công nhận hòa giải thành. Vì vậy, việc UBND thành phố V ban hành các Quyết định hành chính 2233/QĐ-UBND ngày 16/4/2015, 2326/QĐ-UBND ngày 13/05/2015 và cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BX 623196 ngày 13/05/2015 cho hộ NLQ1 là đúng trình tự và thủ tục của luật đất đai và các văn bản hướng dẫn của Thủ tướng Chính phủ và các cơ quan cấp trên. Nay bà Phan Thị M khởi kiện yêu cầu Tòa án Hủy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” đã cấp cho NLQ1 là không có căn cứ.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Phan Thị M cho rằng: Ngày 07/03/2015 tại phiên hòa giải của UBND xã H, bà M có thỏa thuận cắt cho NLQ1 145m² đất nằm trong thửa đất mà vợ chồng bà được UBND thành phố V cấp có diện tích là 428,90m². Nhưng đến ngày 09/03/2015 (sau 02 ngày), bà M đã có đơn khiếu nại gửi các Cơ quan có thẩm quyền với nội dung là không đồng ý với sự thỏa thuận ngày 07/03/2015 giữa bà và NLQ1 tại UBND xã H và nói rõ quyền sử dụng thửa đất trên còn liên quan đến ông Lê Ngọc S (chồng trước của bà M) nên bà và ông M chưa đủ thẩm quyền để chia quyền sử dụng đất, mọi quyết định phân chia quyền sử dụng đất đến thời điểm này đều không có giá trị. Đơn khiếu nại của bà M đã gửi đến UBND thành phố V và được UBND thành phố V hướng dẫn bà trực tiếp làm việc với UBND xã H nhưng UBND thành phố V chỉ căn cứ vào văn bản báo cáo số 56/BC-UBND ngày 08/04/2015 của UBND xã H (trong thời điểm bà M đang có đơn khiếu nại nội dung hòa giải ngày 07/03/2015), UBND thành phố V không tiến hành kiểm tra, xác minh việc giải quyết đơn khiếu nại của bà M tại UBND xã H nên đã ban hành các Quyết định và cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” cho hộ NLQ1 là không có căn cứ, trái với quy định của pháp luật. Do UBND thành phố V căn cứ vào quyết định công nhận hòa giải thành để ban hành quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ NLQ1 nên tại phiên tòa

bà Phan Thị M bổ sung thêm yêu cầu Tòa án hủy quyết định về việc công nhận hòa giải thành số 2233/QĐ-UBND ngày 16/04/2015 của UBND thành phố V. Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vinh chấp nhận các yêu cầu khởi kiện trên của bà Phan Thị M.

Tại phiên tòa đại diện VKSND thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và ý kiến về việc giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại điều 38, việc thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, đảm bảo đúng quy định tại điều 31. Xác định tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa người tham gia tố tụng đúng quy định tại các điều 55, 56, 57, 58, thu thập chứng cứ đúng quy định tại các điều 80, 81, 82, 83, 84, 85, 86 của Luật tố tụng hành chính. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đúng quy định tại điều 130 Luật TTHC, việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đảm bảo đúng quy định tại chương VII Luật TTHC, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định tại điều 147. Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại điều 131 Luật TTHC. Việc tuân theo pháp luật của HĐXX tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Luật TTHC về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người khởi kiện đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại các điều 55, 56 Luật TTHC; Đối với người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại các điều 55, 57, 58 Luật TTHC.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị M dựa trên cơ sở đất được UBND xã H giao cho vợ chồng bà M và ông Lê Ngọc S trước năm 1980, năm 1985 ông S, bà M ly hôn, năm 1987 ông S chết, bà M kết hôn với ông Nguyễn Xuân M. Năm 2008 UBND thành phố V cấp giấy CNQSD đất cho bà M, ông M thừa đất số 51, tờ bản đồ số 35, diện tích 428,9m² tại xóm M, xã H, Thành phố Vinh. Ngày 23/01/2015 UBND thành phố V ban hành quyết định số 368 thu hồi giấy CNQSD đất số 98323 với lý do tại thời điểm xác nhận hồ sơ của bà M và ông M, UBND xã H chưa làm rõ tại thời điểm năm 1983 bà M đang sống chung với ông S chứ không phải ông M, năm 1985 bà M mới ly hôn với ông S. Khi xác nhận hồ sơ xin cấp đất của bà M, UBND xã H chưa đề cập đến vấn đề chia tài sản chung giữa 2 vợ chồng. Việc UBND thành phố V cấp đất cho hộ NLQ1 vào ngày 13/05/2015 tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 35, diện tích 145m² tại xóm M, xã H là dựa trên cơ sở báo cáo của UBND xã H ngày 08/04/2015 về việc UBND xã H hòa giải thành vụ tranh chấp đất giữa NLQ1 và bà Phan Thị M vào ngày 07/03/2015, bà M thống nhất cắt 145m² của mình cho NLQ1. Lý do của UBND thành phố V nêu ra là chưa có cơ sở, vì ngày 09/03/2015 UBND thành phố V tiếp nhận đơn khiếu nại của bà M, đến ngày 11/03/2015 UBND thành phố V ban hành công văn số 1102 về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà M. UBND thành phố V ra quyết định số 2326/QĐ-UBND ngày 13/05/2015 cấp giấy CNQSD đất cho hộ

NLQ1 tại thửa đất số 559, tờ bản đồ số 35, diện tích 145m² tại xóm M, xã H khi đất đó đang còn tranh chấp, chưa có cơ quan có thẩm quyền nào giải quyết về khiếu nại của bà M, hơn nữa thửa đất trên là tài sản chung của bà M, ông S, đất chưa được sự thỏa thuận hay được cơ quan có thẩm quyền phân chia nên việc bà M tự ý cắt 145m² đất cho NLQ1 là chưa có cơ sở. Như vậy việc cấp đất cho hộ NLQ1 của UBND thành phố V là chưa đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLDS, Luật đất đai năm 2013, Luật TTHC năm 2015. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được HĐXX xem xét; Căn cứ vào điều 50, điều 100 Luật đất đai, các điều 31, 131 Luật tố tụng hành chính, các điều 197, 214, 219, 733, 734, 735 BLDS nhận thấy yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ kiện đã được thẩm tra tại phiên tòa; Trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, người khởi kiện, Luật sư bảo vệ quyền lợi cho bà Phan Thị M và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

- Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ kiện Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã tiến hành điều tra, xác minh và đối thoại đúng trình tự thủ tục được quy định của Luật TTHC. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ cho người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (NLQ1, NLQ2) 2 lần nhưng họ đều vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt người bị kiện và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 157 Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu có tại hồ sơ vụ kiện thấy rằng: Quá trình UBND xã H giải quyết tranh chấp đất đai giữa NLQ1 và bà Phan Thị M, ngày 07/03/2015 các bên đương sự thỏa thuận với nội dung: “Bà M cắt cho NLQ1 145 m² đất tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35 thuộc xóm M, xã H, thành phố Vinh. Trong phần diện tích đất cắt có phần tài sản trên đất, NLQ1 đồng ý hỗ trợ đền bù tài sản trên đất mà bà M đã xây dựng trước đó với số tiền là 20.000.000 đồng” . Nhưng sau đó 2 ngày (ngày 09/03/2015) bà Phan Thị M đã có đơn khiếu nại với nội dung “Do chưa xác định được việc phân chia tài sản giữa tôi và ông Lê Ngọc S sau khi ly hôn. Vì vậy, giữa tôi và chồng tôi hiện nay là ông Nguyễn Xuân M chưa đủ thẩm quyền để chia quyền sử dụng đất. Mọi quyết định phân chia quyền sử dụng đất đến thời điểm này đều không có giá trị”. Nội dung đơn khiếu nại của bà M đã phản ánh cụ thể là bà không đồng ý, thỏa thuận cắt cho NLQ1 145 m² đất như biên bản hòa giải thành ngày 07/03/2015 tại UBND xã H. UBND thành phố V ngay sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà Phan Thị M đã hướng dẫn cho bà M trực tiếp đến làm việc với UBND xã H, đồng thời ban hành văn bản số 1102/UBND-TD

ngày 11/03/2015 chỉ đạo UBND xã H với nội dung: Hiện nay hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M chưa nộp về UBND thành phố V. Do đó UBND thành phố V giao cho UBND xã H kiểm tra, giải quyết kiến nghị của công dân theo đúng quy định.

Tại báo cáo số 56/BC- UBND ngày 08/04/2015 của UBND xã H “Về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Phan Thị M”, trong phần nội dung của báo cáo này không đề cập gì đến việc UBND xã H đã tiến hành giải quyết đơn khiếu nại ngày 09/03/2015 của bà M theo sự chỉ đạo tại công văn số 1102 ngày 11/03/2015 của UBND thành phố V, mà chỉ phản ánh nội dung của biên bản hòa giải thành ngày 07/03/2015 (mà chính nội dung của biên bản này hiện đang bị bà M khiếu nại ngày 09/03/2015 chưa được cơ quan nào giải quyết). Nhưng UBND thành phố V đã không tiến hành kiểm tra, xác minh việc giải quyết đơn khiếu nại của bà M tại UBND xã H mà lại căn cứ vào nội dung báo cáo ngày 08/04/2015 của UBND xã H nên ngày 16/04/2015 UBND TP V đã ban hành Quyết định công nhận về việc hòa giải thành số 2233/QĐ-UBND. Căn cứ vào quyết định công nhận hòa giải thành, ngày 13/05/2015 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2326/QĐ-UBND về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Đồng thời cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BX 623196 cho hộ NLQ1 được sử dụng 145 m² đất, tại thửa đất số 592 (tách từ thửa đất số 51), tờ bản đồ số 35 thuộc xóm M, xã H, TP Vinh là không phù hợp với trình tự giải quyết hành chính và quy định của Luật đất đai năm 2013.

Căn cứ vào nội dung của biên bản hòa giải ngày 07/03/2015, ngoài nội dung bà M đồng ý cắt đất cho NLQ1 thì tại biên bản này còn xác nhận nội dung NLQ1 thỏa thuận đền bù cho bà M 20.000.000 đồng tiền trị giá tài sản của bà M có trên phần diện tích đất cắt cho NLQ1. Như vậy trong văn bản hòa giải thành về đất đai các bên còn có thỏa thuận về việc bồi thường về tài sản có liên quan đến quyền sử dụng đất. Tại văn bản báo cáo số 56 ngày 08/04/2015 của UBND xã H cũng không phản ánh về nội dung NLQ1 thỏa thuận đền bù tiền về tài sản trên phần đất cho bà M. Do đó Quyết định công nhận hòa giải thành của UBND thành phố V không ghi nội dung đối với khoản tiền đền bù và những tài sản có liên quan đến đất. Tại Quyết định số 2326 ngày 13/05/2015 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cũng như “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” cấp cho hộ NLQ1 của UBND thành phố V đã không xác định nội dung tài sản liên quan đến phần đất NLQ1 được cắt. Nội dung này chưa được cơ quan nào ghi nhận và ban hành quyết định có tính pháp lý, đảm bảo tính khả thi, do đó trên thực tế NLQ1 chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền bồi thường tài sản trên đất cho bà M theo thỏa thuận ngày 07/03/2015. Sau khi được UBND thành phố V cấp “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, gia đình NLQ1 đã chuyển quyền sử dụng đất của mình hiến tặng cho quỹ Biển đảo

nhưng vẫn được các Cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện, là không đảm bảo đến quyền lợi về quyền tài sản của bà Phan Thị M theo quy định của pháp luật.

Xét việc bà Phan Thị M yêu cầu Tòa án tuyên hủy các Quyết định “Về việc công nhận hòa giải thành” số 2233/QĐ-UBND ngày 16/4/2015; Quyết định “Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất” số 2326/QĐ-UBND ngày 13/5/2015; “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BX 623196 ngày 13/5/2015 của UBND thành phố V cấp cho hộ NLQ1 là có căn cứ, cần được chấp nhận.

- Về án phí: UBND thành phố V phải chịu án phí HCST theo quy định.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 30, 31, 116, 146, 193, 204, 206 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc Hội; Các Điều 98, 99, 100 Luật đất đai năm 2013 xử:

7- Hủy Quyết định “Về việc công nhận hòa giải thành” số 2233/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND thành phố V về việc tranh chấp đất đai giữa bà Phan Thị M với NLQ1 tại thửa đất số 51, tờ bản đồ số 35 thuộc xóm M, xã H, thành phố V.

- Hủy Quyết định “Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất” số 2326/QĐ-UBND ngày 13/05/2015 của UBND thành phố V cấp cho hộ NLQ1 đối với thửa đất số 592, tờ bản đồ số 35 thuộc xóm M, xã H, thành phố V.

- Hủy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” số BX 623196 ngày 13/05/2015 của UBND thành phố V cấp cho hộ NLQ1 đối với thửa đất số 592, tờ bản đồ số 35, có diện tích 145 m² thuộc xóm M, xã H, thành phố V.

Buộc UBND thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

- Về án phí : UBND TP V phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Phan Thị M 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự TP Vinh, theo biên lai số 0000131 ngày 16/11/2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (18/10/2016) các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án./.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TP V;
- Chi cục THADS TP V;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

Nguyễn Khánh Toàn